

CPA HANOI

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

*Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009*

và Báo cáo của Ban giám đốc

Thành viên hãng *AicA*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban giám đốc Công ty cổ phần Chương Dương (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi tắt là “Nhóm công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

CÔNG TY

Công ty cổ phần Chương Dương là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Xây dựng thuộc Tổng Công ty Xây dựng số 1 theo quyết định số 1589/QĐ-BXD ngày 20 tháng 11 năm 2003 của Bộ Xây dựng về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xây lắp thuộc Tổng Công ty Xây dựng số 1 thành Công ty cổ phần và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103002011 ngày 29 tháng 12 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 8 tháng 4 năm 2009.

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp. Xây dựng các công trình giao thông (cầu, đường), bến cảng, sân bay. Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện từ 0,4KV đến 110KV. Sản xuất, kinh doanh, vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, đóng và ép cọc. Sản xuất, kinh doanh cấu kiện kim loại theo tiêu chuẩn và phi tiêu chuẩn. Dịch vụ cho thuê và kinh doanh quản lý nhà cao tầng. Kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp. Thiết kế, chế tạo, gia công và lắp đặt thiết bị áp lực và thiết bị nâng. Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình. Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế nội-ngoại thất công trình. Thiết kế kết cấu công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng. Thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị. Thi công lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy.

Công ty có trụ sở tại 225 Bến Chương Dương, phường Cô Giang, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có hai công ty con sau:

- 1) Công ty TNHH Thương mại Chương Dương được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102046632 do sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 09 tháng 01 năm 2007, tỷ lệ vốn góp của Công ty chiếm 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Thương mại Chương Dương.
- 2) Công ty TNHH Xây dựng Chương Dương Số 1 được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4102046739 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2007 và thay đổi lần thứ nhất ngày 16 tháng 07 năm 2007. Công ty chiếm 65% tương ứng với 1.300.000.000 đồng vốn điều lệ của công ty TNHH Xây dựng Chương Dương Số 1 và đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009 Công ty đã góp đủ vốn.

Công ty có một công ty liên kết sau:

Công ty cổ phần Tháp Nam Việt được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006369 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 09 tháng 04 năm 2007 và theo các chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi sau này. Công ty chiếm 30% vốn điều lệ của công ty cổ phần Tháp Nam Việt. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009 Công ty đã góp 1.300.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 40,86% vốn thực tế đã góp của Công ty cổ phần Tháp Nam Việt.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Lợi nhuận thuần sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty là **22.218.890.914** đồng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng quản trị

- | | |
|-------------------------|--------------|
| 1. Ông Trần Mai Cường | Chủ tịch |
| 2. Ông Văn Minh Hoàng | Phó chủ tịch |
| 3. Ông Đặng Trung Chính | Ủy viên |
| 4. Ông Thái Văn Thọ | Ủy viên |
| 5. Ông Nguyễn Văn Đạt | Ủy viên |

Ban giám đốc

- | | |
|------------------------|-------------------|
| 1. Ông Lê Văn Chính | Tổng giám đốc |
| 2. Ông Thái Văn Thọ | Phó tổng giám đốc |
| 3. Ông Văn Minh Hoàng | Phó tổng giám đốc |
| 4. Ông Nguyễn Hoài Nam | Phó tổng giám đốc |

Ban kiểm soát và kế toán trưởng

- | | |
|----------------------------|----------------|
| 1. Ông Lê Hữu Hòa | Trưởng ban |
| 2. Ông Phạm Văn Hợi | Thành viên |
| 3. Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung | Thành viên |
| 4. Ông Vũ Sinh Thiện | Kế toán trưởng |

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của nhóm công ty trong năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban giám đốc đã:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã đăng ký. Ban giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Nhóm công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với hệ thống kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban giám đốc



Lê Văn Chính
Tổng Giám đốc

Ngày 3 tháng 3 năm 2010



CÔNG TY KIỂM TOÁN & KẾ TOÁN HÀ NỘI
159/14 đường Bạch Đằng, P.2, Q. Tân Bình, Tp. HCM
Tel: (848) 6293.6178 - Fax: (848) 3848.8550
Email: info.hcm@cpahanoi.com - www.cpahanoi.com

Số:10-2-050/CPAHANOI/HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Chương Dương
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kính gửi: Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Chương Dương

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty cổ phần Chương Dương và các công ty con (gọi tắt là “Nhóm công ty”) vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày từ trang 5 đến trang 27. Số dư đầu kỳ được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác.

Việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Nhóm công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.


Tô Quang Dũng
Giám đốc chi nhánh
Số đăng ký: 0270/KTV


Hồ Đình Phúc
Kiểm toán viên
Số đăng ký : 1268/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 3 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		424.776.655.164	297.765.678.876
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	39.055.954.264	28.451.310.873
1. Tiền	111		36.755.954.264	28.451.310.873
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.300.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		12.941.279.000	29.808.899.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	14.031.316.291	31.872.943.224
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.090.037.291)	(2.064.044.224)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		220.490.777.647	135.658.519.816
1. Phải thu khách hàng	131		138.564.878.911	82.883.112.582
2. Trả trước cho người bán	132	4	90.836.414.723	57.998.347.570
3. Các khoản phải thu khác	135		1.792.294.711	2.451.209.961
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(10.702.810.698)	(7.674.150.297)
IV. Hàng tồn kho	140		140.649.200.778	92.440.847.044
1. Hàng tồn kho	141	5	140.649.200.778	92.440.847.044
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.639.443.475	11.406.102.143
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		53.951.245	699.714.331
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	51.215.090
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	11.585.492.230	10.655.172.722

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		88.693.122.641	79.425.759.456
I. Tài sản cố định	220		29.925.419.964	31.454.294.735
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	26.694.215.110	27.988.747.485
- Nguyên giá	222		58.654.393.261	56.164.974.629
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.960.178.151)	(28.176.227.144)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	3.231.204.854	3.465.547.250
- Nguyên giá	228		4.686.848.000	4.686.848.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.455.643.146)	(1.221.300.750)
II. Bất động sản đầu tư	240		44.342.622.737	39.795.150.675
- Nguyên giá	241	9	46.633.928.942	40.917.388.632
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(2.291.306.205)	(1.122.237.957)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5.403.931.285	5.800.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	11.1	903.931.285	1.300.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	11.2	4.500.000.000	4.500.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		9.021.148.655	2.376.314.046
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	8.957.490.655	2.310.231.046
2. Tài sản dài hạn khác	268		63.658.000	66.083.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		513.469.777.805	377.191.438.332

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		360.572.041.015	262.879.097.293
I. Nợ ngắn hạn	310		346.074.415.614	247.219.772.397
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	122.459.859.997	44.818.212.440
2. Phải trả người bán	312		67.168.538.707	63.540.130.087
3. Người mua trả tiền trước	313		14.669.804.091	3.314.748.420
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	54.943.177.421	22.834.020.148
5. Phải trả người lao động	315		4.516.333.418	3.971.723.540
6. Chi phí phải trả	316	15	61.071.135.502	42.479.590.874
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	16	21.245.566.478	66.261.346.888
II. Nợ dài hạn	330		14.497.625.401	15.659.324.896
1. Phải trả dài hạn khác	333		5.952.955.946	4.415.574.441
2. Vay và nợ dài hạn	334	17	8.544.669.455	11.243.750.455
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		152.662.910.339	113.303.941.344
I. Vốn chủ sở hữu	410		149.845.632.739	110.579.943.140
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	18	64,657,150,000	36.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	18	48,476,809,600	37.411.115.000
3. Cổ phiếu quỹ	414	18	-	(909.515.400)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	18	11,556,782,318	10.173.819.197
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	18	4,034,149,598	2.902.879.898
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	18	21,120,741,223	25.001.644.445
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		2,817,277,600	2.723.998.204
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		2,817,277,600	2.723.998.204
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500		234,826,451	1.008.399.695
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		513.469.777.805	377.191.438.332



Vũ Sinh Thiện
 Kế toán trưởng
 Ngày 3 tháng 3 năm 2010



Lê Văn Chính
 Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch	01	19	311.981.464.018	304.312.901.020
2. Các khoản giảm trừ	03		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		311.981.464.018	304.312.901.020
4. Giá vốn hàng bán	11	20	269.526.983.146	264.159.761.940
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		42.454.480.872	40.153.139.080
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	2.477.367.053	3.166.292.614
7. Chi phí tài chính	22	22	4.067.771.827	4.584.206.013
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		3.407.893.478	1.881.912.413
8. Chi phí bán hàng	24		848.954.220	752.992.978
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	23	9.560.625.819	11.132.887.478
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		30.454.496.059	26.849.345.225
11. Thu nhập khác	31		2.302.825.264	3.808.206.370
12. Chi phí khác	32		1.034.167.676	721.014.172
13. Lợi nhuận khác	40		1.268.657.588	3.087.192.198
14. Thu nhập/(lỗ) từ công ty liên kết	45		(396.068.715)	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		31.327.084.932	29.936.537.423
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	9.478.726.313	8.487.446.758
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	25	21.848.358.619	21.449.090.665
18. Thu nhập/(lỗ) thuộc các cổ đông thiểu số	61		(370.532.295)	(94.058.470)
19. Thu nhập/(lỗ) sau thuế của Công ty mẹ	62		22.218.890.914	21.543.149.135
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		3.444	6.100



Vũ Sinh Thiện
Kế toán trưởng

Ngày 3 tháng 3 năm 2010



Lê Văn Chính
Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT(phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		31.327.084.932	29.936.537.423
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		5.521.129.107	4.977.511.658
- Các khoản dự phòng	03		3.028.660.401	5.904.835.578
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.432.037.499)	(3.036.741.090)
- Chi phí lãi vay	06		3.407.893.478	2.014.467.940
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		41.852.730.419	39.796.611.509
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(88.855.354.421)	(27.328.381.110)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(53.642.666.111)	20.725.768.227
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		39.110.204.710	18.606.780.062
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(812.211.522)	1.021.202.478
- Tiền lãi vay đã trả	13		(8.879.406.412)	(2.014.467.940)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(5.019.199.285)	(1.234.439.607)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		2.425.000	27.500.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.327.256.670)	(749.847.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(77.570.734.292)	48.850.726.619
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.859.186.099)	(72.490.092.195)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		57.142.857	555.043.290
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(29.119.974.574)	(75.699.886.186)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		45.392.578.507	80.736.100.962
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(500.000.000)
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.401.979.435	2.905.613.276
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		15.872.540.126	(64.493.220.853)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		1.228.900.000	-
- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(909.515.400)
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		205.209.198.518	64.576.738.348
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(130.266.631.961)	(43.708.064.496)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.868.629.000)	(8.982.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		72.302.837.557	10.977.158.452
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		10.604.643.391	(4.665.335.782)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		28.451.310.873	33.116.646.655
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	3	39.055.954.264	28.451.310.873



Vũ Sinh Thiện
Kế toán trưởng
Ngày 3 tháng 3 năm 2010



Lê Văn Chính
Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty cổ phần Chương Dương là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Xây dựng thuộc Tổng Công Ty Xây dựng số 1 theo quyết định số 1589/QĐ-BXD ngày 20 tháng 11 năm 2003 của Bộ Xây dựng về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xây lắp thuộc Tổng Công ty Xây dựng số 1 thành Công ty cổ phần và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103002011 ngày 29 tháng 12 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 8 tháng 4 năm 2009.

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp. Xây dựng các công trình giao thông (cầu, đường), bến cảng, sân bay. Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện từ 0,4KV đến 110KV. Sản xuất, kinh doanh, vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, đóng và ép cọc. Sản xuất, kinh doanh cấu kiện kim loại theo tiêu chuẩn và phi tiêu chuẩn. Dịch vụ cho thuê và kinh doanh quản lý nhà cao tầng. Kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp. Thiết kế, chế tạo, gia công và lắp đặt thiết bị áp lực và thiết bị nâng. Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình. Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế nội-ngoại thất công trình. Thiết kế kết cấu công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng. Thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị. Thi công lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy.

Công ty có trụ sở tại 225 Bến Chương Dương, phường Cô Giang, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có hai công ty con sau:

1) Công ty TNHH Thương mại Chương Dương được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102046632 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 09 tháng 01 năm 2007, tỷ lệ vốn góp của Công ty chiếm 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Thương mại Chương Dương.

2) Công ty TNHH Xây dựng Chương Dương Số 1 được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4102046739 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2007 và thay đổi lần thứ nhất ngày 16 tháng 07 năm 2007. Công ty chiếm 65% tương ứng với 1.300.000.000 đồng vốn điều lệ của công ty TNHH Xây dựng Chương Dương Số 1 và đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009 Công ty đã góp đủ vốn.

Công ty có một công ty liên kết sau:

Công ty cổ phần Tháp Nam Việt được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006369 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 09 tháng 04 năm 2007 và theo các chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi sau này. Công ty chiếm 30% vốn điều lệ của công ty cổ phần Tháp Nam Việt. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009 Công ty đã góp 1.300.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 40,86% vốn thực tế đã góp của Công ty cổ phần Tháp Nam Việt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam phù hợp với hệ thống kế toán và chuẩn mực kế toán Việt Nam. Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán đăng ký áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Các công ty con: Các Công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Quyền kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của một công ty con để thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của công ty con đó. Khi đánh giá kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng đang có hiệu lực. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các báo cáo tài chính hợp nhất ghi nhận lợi ích của công ty trên lỗ hoặc lãi của công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày ảnh hưởng đáng kể bắt đầu đến khi kết thúc.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất: Số dư của giao dịch nội bộ và bất kỳ lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong Nhóm công ty được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên doanh được loại trừ ở mức lợi ích của công ty trong công ty đó. Lỗ chưa thực hiện được loại trừ cũng như lợi nhuận chưa thực hiện, nhưng chỉ khi không có bằng chứng về việc giảm giá tài sản.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản thu tại thời điểm cuối năm kế toán. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý trong năm.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá vốn hàng tồn kho bao gồm giá mua cộng với chi phí vận chuyển, chi phí thu mua. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo nguyên giá, khấu hao và giá trị còn lại. Nguyên giá bao gồm giá mua cộng chi phí vận chuyển, lắp đặt. Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian ước tính hữu ích của tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 30 năm
Máy móc thiết bị	3 – 15 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 – 10 năm
Quyền sử dụng đất	20 năm

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó. Khi thanh lý, bán bất động sản đầu tư, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất và nhà cửa	30 năm
------------------------------	--------

Các khoản đầu tư chứng khoán

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn, lợi thế thương mại và chi phí lãi vay liên quan đến các dự án bất động sản được phân bổ dần từ 2 năm đến 10 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại của các khoản công nợ dài hạn được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ tài sản và công nợ ngắn hạn được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa cụ thể như sau:

- Chi phí lãi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm và xây dựng tài sản cố định cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định.
- Chi phí lãi vay liên quan đến các dự án đầu tư bất động sản được hạch toán vào tài khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả kinh doanh khi phát sinh doanh thu từ việc bán các sản phẩm từ các dự án bất động sản.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc niên độ kế toán bằng cách so sánh tỷ lệ của chi phí của hợp đồng phát sinh cho phần công việc đã được hoàn thành đến ngày này so với tổng chi phí hợp đồng, trừ phi tỷ lệ này không đại diện cho mức độ hoàn thành.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Thuế

Thuế hiện hành

Thuế phải nộp được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho nhà nước, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

3. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	5.369.942.428	3.765.142.440
Tiền gửi ngân hàng	31.386.011.836	24.686.168.433
Tiền gửi VND	31.381.429.293	24.686.168.433
Tiền gửi USD	4.582.543	-
Các khoản tương đương tiền (*)	2.300.000.000	-
Tổng cộng	39.055.954.264	28.451.310.873

(*) là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng, lãi suất 8,35%/năm, lãi được thanh toán vào cuối kỳ.

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Xây dựng Thương Mại Thuận Thành Phát	79.223.415.928	48.000.000.000
Các đối tượng khác	11.612.998.795	9.998.347.570
Tổng cộng	90.836.414.723	57.998.347.570

Trả trước cho Công ty TNHH Xây dựng Thương Mại Thuận Thành Phát để mua 14.852,6 m² đất dự án tại Khu dân cư phía tây xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Việc chuyển nhượng dự án sẽ được thực hiện thông qua hình thức chuyển nhượng 93,3% vốn góp trong công ty TNHH xây dựng thương mại Thuận Thành Phát. Công ty TNHH xây dựng thương mại Thuận Thành Phát có vốn điều lệ 150 tỷ đồng. Sau khi các thủ tục chuyển nhượng vốn góp hoàn thành thì khoản trả trước cho Công ty TNHH xây dựng thương mại Thuận Thành Phát sẽ được phân loại sang khoản mục đầu tư vào công ty con.

5. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	9.639.295.576	2.930.601.291
Công cụ dụng cụ	1.021.090.071	829.460.406
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	129.891.401.156	88.587.842.796
+ Công trình xây dựng	29.783.850.374	37.904.772.429
+ Dự án bất động sản	100.107.550.782	50.683.070.367
Hàng hóa	97.413.975	-
Thành phẩm	-	92.942.551
Tổng cộng	140.649.200.778	92.440.847.044

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số lượng	Số cuối năm	Số lượng	Số đầu năm
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		5.181.316.291		3.672.943.224
Công ty CP chứng khoán Sài Gòn (SSI)	4.000	374.935.000	10.000	527.553.000
Công ty CP phát triển đầu tư công nghệ FPT (FPT)	-	-	3.000	394.788.000
Công ty CP Cơ điện lạnh Việt Nam REE	6.800	492.984.000	9.800	975.948.000
Công ty CP Cấp & Vật liệu viễn thông SAM	3.600	176.642.000	13.600	667.332.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)	21.450	456.373.724	21.500	648.406.224
Công ty CP phân đạm & hóa chất dầu khí (DPM)	5.000	239.979.000	5.000	248.997.000
Tổng công ty bảo hiểm dầu khí Việt Nam (PVI)	3.000	101.553.250	7.000	209.919.000
Công ty CP Xi măng Bim Sơn (BCC)	5.000	87.718.750	-	-
Công ty CP Khoáng sản Bắc Kạn (BKC)	3.000	111.879.000	-	-
Tập đoàn Bảo Việt (BVH)	10.000	372.537.762	-	-
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam (EIB)	12.000	341.476.800	-	-
Công ty CP Xi măng Hoàng Mai (HOM)	6.000	105.289.800	-	-
Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (ICF)	4.730	92.551.230	-	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (PPC)	3.000	86.659.200	-	-
Tổng công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam (PVF)	12.000	519.946.625	-	-
Công ty CP vận tải dầu khí (PVT)	23.130	432.056.250	-	-
Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVX)	6.000	191.926.500	-	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn (SGT)	3.000	83.048.400	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)	16.000	506.884.000	-	-
Công ty CP chứng khoán Sài Gòn Hà Nội (SHS)	3.000	126.315.000	-	-
Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam (VCB)	5.000	280.560.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn		8.850.000.000		28.200.000.000
Tổng cộng		14.031.316.291		31.872.943.224

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	10.890.547.782	9.240.674.513
Ký quỹ, ký cược	73.771.363	775.283.794
Tài sản thiếu chờ xử lý	621.173.085	639.214.415
Tổng cộng	11.585.492.230	10.655.172.722

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	4.686.848.000	4.686.848.000
Số dư cuối năm	4.686.848.000	4.686.848.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	1.221.300.750	1.221.300.750
Khấu hao trong kỳ	234.342.396	234.342.396
Số dư cuối năm	1.455.643.146	1.455.643.146
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	3.465.547.250	3.465.547.250
Tại ngày cuối năm	3.231.204.854	3.231.204.854

10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị: đồng Việt Nam

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá bất động sản đầu tư			
- Nhà và quyền sử dụng đất	40.917.388.632	5.716.540.310	46.633.928.942
Giá trị hao mòn lũy kế			
- Nhà và quyền sử dụng đất	1.122.237.957	1.169.068.248	2.291.306.205
Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư			
- Nhà và quyền sử dụng đất	39.795.150.675	4.547.472.062	44.342.622.737

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	14.928.350.764	22.316.151.057	17.567.745.613	1.352.727.195	56.164.974.629
Mua trong năm	-	1.915.193.221	817.260.386	126.732.492	2.859.186.099
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(80.000.000)	(289.767.467)	(369.767.467)
Số dư cuối năm	<u>14.928.350.764</u>	<u>24.231.344.278</u>	<u>18.305.005.999</u>	<u>1.189.692.220</u>	<u>58.654.393.261</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	6.747.339.625	13.514.382.149	7.029.710.029	884.795.341	28.176.227.144
Khấu hao trong năm	647.986.608	1.625.901.775	1.697.219.432	146.610.648	4.117.718.463
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(43.999.989)	(289.767.467)	(333.767.456)
Số dư cuối năm	<u>7.395.326.233</u>	<u>15.140.283.924</u>	<u>8.682.929.472</u>	<u>741.638.522</u>	<u>31.960.178.151</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	<u>8.181.011.139</u>	<u>8.801.768.908</u>	<u>10.538.035.584</u>	<u>467.931.854</u>	<u>27.988.747.485</u>
Tại ngày cuối năm	<u>7.533.024.531</u>	<u>9.091.060.354</u>	<u>9.622.076.527</u>	<u>448.053.698</u>	<u>26.694.215.110</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

11.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Tỷ lệ tham gia	Số cuối năm	Tỷ lệ tham gia	Số đầu năm
Công ty CP Tháp Nam Việt (*)	30%	903.931.285	30%	1.300.000.000
Tổng cộng		903.931.285		1.300.000.000

(*) Vốn điều lệ của Công ty cổ phần Tháp Nam Việt theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 5 tỷ đồng, tỷ lệ vốn góp của Công ty chiếm 30% vốn điều lệ. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009 Công ty đã góp 1.300.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 40,86% vốn thực tế đã góp và chiếm 26% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Tháp Nam Việt.

11.2 Đầu tư dài hạn khác

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP BOT Cầu Đồng Nai	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty CP Thủy Điện Srok Miêng IDICO	500.000.000	500.000.000
Tổng cộng	4.500.000.000	4.500.000.000

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	3.608.205.654	1.531.175.389
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	-	63.250.000
Lợi thế doanh nghiệp	160.000.000	200.000.000
Chi phí lãi vay	5.189.285.001	-
Chi phí phục vụ liên doanh với Bluecope	-	20.832.618
Chi phí tư vấn, tiếp thị cho thuê văn phòng	-	80.537.073
Tổng cộng	8.957.490.655	1.895.795.080

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai (1)	25.056.904.179	7.000.000.000
Công ty Tài Chính Cao Su (2)	80.000.000.000	30.000.000.000
Ngân hàng NN & PTNT - Chi Nhánh 11 (3)	10.000.000.000	-
Ngân hàng NN & PTNN Việt Nam CN 11 (4)	4.490.375.818	3.886.733.440
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh 14)	2.912.580.000	3.931.479.000
Tổng cộng	122.459.859.997	44.818.212.440

(1) Vay ngân hàng Đầu tư & Phát triển tỉnh Đồng Nai lãi suất từ 1,05% /tháng. Tài sản thế chấp là nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, công trình, quyền phải thu khối lượng công trình. Mục đích vay thanh toán tiền mua vật tư, khối lượng xây lắp và trả tiền lương công nhân công trình, thời hạn vay 12 tháng đến, lãi được trả hàng tháng.

(2) Vay công ty Tài Chính Cao Su với lãi suất 1,05/tháng, mục đích vay là đầu tư dự án trung tâm thương mại và chung cư cao tầng Tân Hương. Tài sản thế chấp là toàn bộ dự án đầu tư xây dựng khu trung tâm thương mại và chung cư cao tầng Tân Hương và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00093/QĐ-UB với diện tích là 6.482 m², thời hạn vay 12 tháng, lãi được trả hàng tháng

(3) Vay Ngân hàng NN & PTNT - Chi Nhánh 11 với lãi suất từ 10,05%/năm đến, mục đích vay là thanh toán tiền đền bù đất dự án khu nhà ở thu nhập thấp tại trường thọ, Thủ Đức. Tài sản thế chấp là sổ đỏ nhà chung cư 225 Bến Chương Dương, thời hạn vay 4 tháng, lãi được trả hàng tháng.

(4) Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh 11, mục đích bổ sung vốn lưu động; thời hạn vay là 12 tháng; lãi suất tiền vay từ 10,5% đến 12%/năm; khoản vay được đảm bảo bằng khoản tiền gửi có kỳ hạn 3.000.000.000 đồng theo Hợp đồng cầm cố số 6480-LCL-200801519 ngày 21 tháng 11 năm 2008 và tín chấp.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	37.349.582.849	9.919.870.524
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.581.993.807	12.169.757.220
Thuế thu nhập cá nhân	817.038.557	681.137.369
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	194.562.208	63.255.035
Tổng cộng	54.943.177.421	22.834.020.148

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng phần thô chung cư 225 Bến Chương Dương	6.596.068.676	10.215.360.277
Chi phí xây dựng công trình Nhà máy bia Bạc Liêu	580.300.000	7.179.591.169
Chi phí xây dựng công trình Đồng Nai 4	18.020.184.748	14.854.595.991
Chi phí cọc, bê tông cốt thép nhà máy xi măng Phương nam	652.249.675	652.249.675
Chi phí xây dựng công trình nhà máy xi măng Chinfon	2.396.300.155	2.479.292.758
Chi phí xây dựng công trình nhà máy dầu Tường An	812.032.828	812.032.828
Chi phí xây dựng công trình depot Suối Tiên	140.895.727	3.127.222.942
Chi phí xây dựng công trình Phan Duy	920.000.000	1.933.650.800
Chi phí xây dựng công trình mùa đường cồn Long Mỹ Phát	665.287.969	665.287.969
Chi phí giàn giáo của Xí nghiệp kết cấu thép	-	460.306.465
Chi phí khai thác đá Đồng Nai 4	227.815.593	-
Chi phí biệt thự 80, 84	286.183.198	-
Chi phí Tank lên men NM bia Sài Gòn	2.379.727.272	-
CT NX Việt – Ý	1.758.097.497	-
Chi phí Nâng cấp đường Bà Rịa Vũng Tàu	7.236.363.636	-
Chi phí khối lượng kho lương thực đồng tháp	3.147.309.091	-
Chi phí cọc vây Miền Tây	78.380.000	-
Chi phí cọc tường vây Công ty Nam Minh Long	131.525.864	-
Chi phí Bến Phà Tam Hiệp	2.490.000.000	-
Chi phí Cảng cá Xẻo Nhàu	4.000.000.000	-
Chi phí phải trả khác	8.552.413.573	100.000.000
Tổng cộng	61.071.135.502	42.479.590.874

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ giải quyết	11.154.433	8.969.595
Kinh phí công đoàn	1.054.484.820	871.427.132
Bảo hiểm	297.837.725	412.626.812
Phải trả khác	19.882.089.500	64.977.292.944
- Phải trả tạm ứng	10.307.323.656	8.339.638.375
- Phải trả khác	9.574.765.844	56.637.654.569
Tổng cộng	21.245.566.478	66.261.346.888

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

17. VAY DÀI HẠN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn	11.457.249.455	15.175.229.455
Ngân hàng Ngoại thương - Chi nhánh Hồ Chí Minh (1)	8.161.950.455	9.721.829.455
Ngân hàng NN & PTNT - Chi nhánh 11 (2)	3.029.499.000	4.992.000.000
Ngân hàng VID Public - Chi nhánh Chợ Lớn	52.000.000	144.400.000
Ngân hàng VID Public - Chi nhánh Sài Gòn	213.800.000	317.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	2.912.580.000	3.931.479.000
Ngân hàng Ngoại thương - Chi nhánh Hồ Chí Minh	2.176.000.000	1.559.879.000
Ngân hàng NN & PTNT - Chi nhánh 11	581.380.000	2.176.000.000
Ngân hàng VID Public - Chi nhánh Chợ Lớn	52.000.000	92.400.000
Ngân hàng VID Public - Chi nhánh Sài Gòn	103.200.000	103.200.000
Số dư vay dài hạn	8.544.669.455	11.243.750.455

(1) Vay ngân hàng Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 0018/TD1/06CD ngày 17 tháng 04 năm 2006, mục đích đầu tư xây dựng trụ sở văn phòng, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay, thời hạn vay 7 năm, lãi suất 1%/ tháng, thời hạn thanh toán theo từng kỳ 3 tháng.

(2) Vay ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn theo hợp đồng 0748048 ngày 26 tháng 12 năm 2007 với lãi suất 1,18%/tháng, mục đích mua máy móc thiết bị, tài sản đảm bảo bằng tài sản máy móc thiết bị, thời hạn vay là 4 năm, thời hạn thanh toán theo kỳ 3 tháng.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

Đơn vị: đồng Việt Nam

Cổ đông	Số cuối năm	Tỷ lệ (%)	Số đầu năm	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của nhà nước	18.518.600.000	28,64	11.016.000.000	30,60
Vốn góp của các đối tượng khác	46.138.550.000	71,36	24.984.000.000	69,40
Tổng cộng	64.657.150.000	100	36.000.000.000	100

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị: đồng Việt Nam

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>Cộng</i>
Số dư đầu năm trước	36.000.000.000	37.411.115.000	-	1.806.888.685	1.783.977.621	23.783.919.686	100.785.900.992
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	21.543.149.135	21.543.149.135
- Chia các quỹ	-	-	-	8.366.930.512	1.118.902.277	(11.687.253.319)	(2.201.420.530)
- Tăng khác	-	-	-	-	-	343.828.943	343.828.943
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(8.982.000.000)	(8.982.000.000)
- Giảm khác	-	-	(909.515.400)	-	-	-	(909.515.400)
Số dư cuối năm trước	36.000.000.000	37.411.115.000	(909.515.400)	10.173.819.197	2.902.879.898	25.001.644.445	110.579.943.140
- Tăng vốn	28.657.150.000	11.065.694.600	-	-	-	-	39,722,844,600
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	22,218,890,914	22,218,890,914
- Chia các quỹ	-	-	-	1.382.963.121	1.128.577.396	(3,640,117,913)	(1,128,577,396)
- Tăng khác	-	-	909.515.400	-	2.692.304	-	912,207,704
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(21,778,369,000)	(21,778,369,000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(681,307,223)	(681,307,223)
Số dư cuối năm nay	64.657.150.000	48.476.809.600	-	11.556.782.318	4.034.149.598	21,120,741,223	149,845,632,739

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức được chia

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	36.000.000.000	36.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	28.657.150.000	-
+ Vốn góp cuối năm	64.657.150.000	36.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.868.629.000	8.982.000.000

18.4 Cổ phiếu

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.465.715	3.600.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.465.715	3.600.000
+ Cổ phiếu phổ thông	6.465.715	3.600.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	18.000
+ Cổ phiếu phổ thông	-	18.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.465.715	3.582.000
+ Cổ phiếu phổ thông	6.465.715	3.582.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 đồng/1 cổ phiếu

18.5 Phân phối lợi nhuận

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
Trích quỹ đầu tư phát triển	1.382.963.121	8.366.930.512
Trích quỹ dự phòng tài chính	1.128.577.396	1.118.902.277
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.128.577.396	2.201.420.530
Thù lao hội đồng quản trị	300.000.000	-
Giám khác	381.307.223	-
Chia cổ tức	21.778.369.000	8.982.000.000
+ Bằng tiền	3.868.629.000	8.982.000.000
+ Bằng cổ phiếu	17.909.740.000	-
Tổng cộng	26.099.794.136	20.669.253.319

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
Xây lắp	246.499.087.431	229.079.804.631
Dự án	27.372.817.191	47.228.635.090
Bán vật tư	10.473.403.762	10.989.065.649
Cho thuê nhà văn phòng	26.448.042.350	15.665.753.837
Cho thuê thiết bị	8.361.994	758.202.567
Khác	1.179.751.290	591.439.246
Tổng cộng	311.981.464.018	304.312.901.020

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
Xây lắp	243.634.269.406	220.846.297.160
Dự án	6.214.109.134	24.068.958.407
Bán vật tư	8.612.652.187	10.017.016.998
Cho thuê nhà văn phòng	9.919.211.470	7.774.449.508
Cho thuê thiết bị	-	1.098.508.319
Khác	1.146.740.949	354.531.548
Tổng cộng	269.526.983.146	264.159.761.940

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	1.401.910.560	2.806.265.376
Lãi từ chuyển nhượng chứng khoán	1.038.896.493	282.952.238
Lợi nhuận được chia	36.560.000	77.075.000
Tổng cộng	2.477.367.053	3.166.292.614

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	3.407.893.478	1.881.912.413
Kinh doanh chứng khoán	18.709.777	910.918.600
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	595.016.067	1.598.720.864
Khác	46.152.505	192.654.136
Tổng cộng	4.067.771.827	4.584.206.013

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	10.677.094.454	4.908.932.789
Chi phí đồ dùng văn phòng	17.367.840	56.607.656
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	244.698.733
(Hoàn nhập)/dự phòng	(1.508.355.635)	4.431.158.510
Chi phí khác	371.519.160	1.491.489.790
Tổng cộng	9.560.625.819	11.132.887.478

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
Thu nhập trước thuế trong năm (1)	31.338.384.932	30.280.366.366
Lỗi không cần trừ (2)	1.496.365.600	452.847.426
Lợi nhuận chịu thuế (3)=(1)+(2)	32.834.750.532	30.733.213.792
Điều chỉnh tăng (4)	4.655.826.006	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia (5)	36.560.000	420.903.943
Thu nhập tính thuế (6)=(3)+(4)-(5)	37.454.016.538	30.312.309.849
Thuế suất thuế TNDN hiện hành (7)	25%	28%
Thuế TNDN phải nộp năm nay (8)=(6)*(7)	9.363.504.135	8.487.446.758
Thuế TNDN được giảm (9)	58.346.972	-
Truy thu thuế (10)	173.569.150	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (11)=(8)-(9)+(10)	9.478.726.313	8.487.446.758

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

25. THÔNG TIN CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Tổng tiền lương và thưởng của các thành viên lãnh đạo chủ chốt

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	515.480.377	821.175.000
Thù lao Ban kiểm soát	191.049.623	159.813.000
Ban giám đốc	1.294.739.700	861.430.000
Tổng cộng	2.001.269.700	1.842.418.000

Vũ Sinh Thiện
Kế toán trưởng
Ngày 3 tháng 3 năm 2010



Lê Văn Chính
Tổng giám đốc